

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 156/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 12 - 2022

V/v: "T/c Hôn nhân và gia đình
xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Tám
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Hà Bửu Khánh
 2. Ông Võ Minh Tuấn
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.
- *Đại diện-Viện Kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 578/2022/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình-xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Út L, sinh năm 1984 (có mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện G, tỉnh Kiên Giang
- *Bị đơn:* Anh Lâm Văn C, sinh năm: 1979 (có mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Út L như sau:

Trong quá trình chung sống thời gian đầu đầm ấm hạnh phúc nhưng dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính tình không phù hợp, T cãi vã nhau dẫn đến tình cảm phai nhạt, mất hạnh phúc mặc dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không đem lại kết quả và quyết định đi đến ly hôn.

Về hôn nhân: Đến nay chưa đăng ký kết hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lâm Thị Mộng T, sinh ngày 13 tháng 12 năm 1999, con nay đã lớn và có gia đình riêng tư tại ấp H, xã H1, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ: Vợ chồng đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời trình bày tiếp theo anh Lâm Văn C như sau: Anh C thừa nhận tất cả lời trình bày của chị L là đúng.

Về tình trạng hôn nhân anh đồng ý ly hôn; về con cái đã có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản và nợ, vợ chồng đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Lâm Văn C có nơi cư trú tại ấp H, xã H1, huyện G, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Quan hệ giữa anh Lâm Văn C và chị Nguyễn Thị Út L sống chung với nhau từ năm 1999 và đã có được một người con chung nhưng do không có đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 14 như sau:

“Khoản 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này”.

Như vậy, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Út L với anh Lâm Văn C không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Tòa án có căn cứ để xử không công nhận là vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Út L đối với anh Lâm Văn C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lâm Thị Mộng T, sinh ngày 13 tháng 12 năm 1999, nay cháu T đã lớn và có gia đình riêng tư tại ấp H, xã H1, huyện G, tỉnh Kiên Giang, anh C, chị L không yêu cầu giải quyết, nghĩ nên miễn xét.

Về tài sản và nợ: Chị L và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nghĩ nên không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Út L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- □p dụng Điều 14 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147; điểm khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử không công nhận giữa chị Nguyễn Thị Út L đối với anh Lâm Văn C là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Có 01 con chung tên Lâm Thị Mộng T, sinh ngày 13 tháng 12 năm 1999, anh C, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nghĩ nên miễn xét.

3. *Về tài sản và nợ:* Chị L và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nghĩ nên không xét.

4. *Về án phí:* Xử buộc chị Nguyễn Thị Út L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003055, ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị L, anh C biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 16/12/2022.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh, huyện GR;
- Chi cục thi hành án GR;
- UBND xã, thị trấn;
- Dương sự;
- L- u hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

LÊ VĂN TÁM